

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 184/2024/DS-ST

Ngày: 01/07/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hồng
- Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2023/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2023, về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-DS ngày 21/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-DS ngày 11/06/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Á

Trụ sở: Số D đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Thái Thị Thanh T, sinh năm 1990, địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A1, số D đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 329/UQ-QLN.23 ngày 07/03/2023)

(Đương sự có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà G đường P, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Chu Đình T1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà G đường P, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/5/2020 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ bà Thái Thị Thanh T đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/02/2012, bà Nguyễn Thị Kim A và Ngân hàng TMCP Á (viết tắt là Ngân hàng) có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng và các văn bản khác về việc sử dụng thẻ tín dụng. Đến ngày 08/02/2020, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng mang số 4791382530057337, loại thẻ visa chuẩn EMV với hạn mức là 20.000.000 đồng và có hiệu lực đến tháng 02/2015, lãi suất được quy định theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Trong quá trình sử dụng, do bà Kim A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25/5/2015, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của bà Kim A sang nợ quá hạn. Đến ngày 29/5/2015, Ngân hàng ban hành thông báo chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ khoản nợ thẻ tín dụng chưa thanh toán của bà Kim A. Ngày 06/8/2015, Ngân hàng và bà Kim A ký Phụ lục hợp đồng về việc cơ cấu thời hạn trả nợ và điều chỉnh lãi suất cho vay là 25,8%/năm. Tuy nhiên, bà A vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận.

Theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 02/7/2015, ông Chu Đình T1 đồng ý trả thay cho bà Nguyễn Thị Kim A trong trường hợp bà A không thanh toán hoặc thanh toán không đúng khoản nợ. Nghĩa vụ trả nợ của ông T1 bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bà A đối với Ngân hàng.

Ngày 01/8/2015, Ngân hàng đã gửi Thông báo đề nghị trả nợ đến bà Nguyễn Thị Kim A và ông Chu Đình T1, nhưng bà A và ông T1 vẫn không trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện bà A yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị Kim A thanh toán khoản nợ tính đến ngày 01/07/2024 là 43.239.608đ (Bốn mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm lẻ tám đồng), trong đó nợ gốc là 8.097.300 đồng và nợ lãi quá hạn là 35.142.308 đồng. Thanh toán toàn bộ khoản nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

- Bà Nguyễn Thị Kim A còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á tính từ ngày 02/07/2024 cho đến khi trả hết nợ.

- Trong trường hợp bà A không trả được nợ thì buộc ông Chu Đình T1 phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà A theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 02/7/2015.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Kim A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Chu Đình T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của bà A, ông T1 và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bị đơn - bà Nguyễn Thị Kim A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Chu Đình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà A và ông T1 theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện của nguyên đơn là bà Thái Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[3] Xét thấy đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim A có nơi cư trú tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về các yêu cầu của đương sự:

[4] Ngân hàng TMCP Á yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Kim A có trách nhiệm thanh toán khoản nợ tính đến ngày 01/07/2024 với số tiền là 43.239.608đ (Bốn mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm lẻ tám đồng), trong đó nợ gốc là 8.097.300đ (Tám triệu không trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm đồng) và nợ lãi quá hạn là 35.142.308đ (Ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm lẻ tám đồng).

[5] Xét bà Nguyễn Thị Kim A đã vay tiền của Ngân hàng TMCP Á theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/02/2012, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, Giấy xác nhận đã nhận thẻ và đề nghị kích hoạt thẻ ngày 20/02/2012, Phụ lục hợp đồng ngày 06/8/2015, nhưng vi phạm hợp đồng, không trả vốn lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện đòi số tiền còn nợ trên là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[6] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cùng lời khai của nguyên đơn cung cấp, đã có đủ cơ sở xác định Ngân hàng có cho bà Nguyễn Thị Kim A vay tiền và cho đến nay bà Kim A vẫn chưa thanh toán xong tiền nợ vốn và lãi cho Ngân hàng như các bên đã thỏa thuận. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng đối với cá nhân bà Nguyễn Thị Kim A về số nợ vốn gốc, nợ lãi là có căn cứ cần chấp nhận.

[7] Xét Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 02/7/2015 của ông Chu Đình T1 và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở để buộc ông Chu Đình T1 phải trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Kim A trong trường hợp bà A không thanh toán hoặc thanh toán không đúng khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định tại các Điều 361, 362, 363 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Về án phí:

[8] Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.161.980đ (Hai triệu một trăm sáu mươi một ngàn chín trăm tám mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 361, 362, 363 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim A chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền nợ là 43.239.608đ (Bốn mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm lẻ tám đồng), trong đó nợ gốc là 8.097.300đ (Tám triệu không trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm đồng) và nợ lãi quá hạn là 35.142.308đ (Ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm lẻ tám đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/02/2012, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, Giấy xác nhận

đã nhận thẻ và đề nghị kích hoạt thẻ ngày 20/02/2012, Phụ lục hợp đồng ngày 06/8/2015.

Ông Chu Đình T1 chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á toàn bộ khoản nợ của bà Nguyễn Thị Kim A trong trường hợp bà A không thanh toán hoặc thanh toán không đúng khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu là 2.161.980đ (Hai triệu một trăm sáu mươi một ngàn chín trăm tám mươi đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Á không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 692.000đ (Sáu trăm chín mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0043860 ngày 22/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Á, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Chu Đình T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho Ngân hàng, bà A, ông T1 hoặc được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh Minh

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh Minh